

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5403/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cúm trại liên kết chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu theo chuỗi công nghệ cao - 4A Xuân Châu tại xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 10/CV-BINHAN ngày 01/12/2022 của Công ty TNHH Đầu tư trang trại Bình An về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Cúm trại liên kết chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu theo chuỗi công nghệ cao - 4A Xuân Châu tại xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 18/CV-BINHAN ngày 10/6/2023 về việc giải trình hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 797/TTr-STNMT ngày 10 tháng 7 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư trang trại Bình An, địa chỉ tại Thôn 2, xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Cúm trại liên kết chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu theo chuỗi công nghệ cao - 4A Xuân Châu tại xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Cụm trại liên kết chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu theo chuỗi công nghệ cao - 4A Xuân Châu tại xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 2, xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 2802990972 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 31/11/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/4/2023.

1.4. Mã số thuế: 2802990972.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Chăn nuôi gà.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất dự án: 38.023 m².

- Công suất: Công suất nuôi: 936.000 con gà thịt/năm (156.000 con/lứa).

- Công nghệ sản xuất, chăn nuôi: Giống gà thịt 1 ngày tuổi → Úm gà → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Xuất chuồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu quản lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất (nước thải chăn nuôi) và bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với mùi, tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư trang trại Bình An:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư trang trại Bình An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 25 tháng 7 năm 2023 đến ngày 25 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thọ Xuân và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư trang trại Bình An;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thọ Xuân (để theo dõi);
- UBND xã Thuận Minh;
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU QUẢN LÝ NƯỚC THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01 (*phát sinh thường xuyên*): Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên dự án, bao gồm: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện); nước thải tắm, giặt phát sinh từ khu vệ sinh của văn phòng điều hành; Nước thải từ nhà ăn, lưu lượng lớn nhất 3,0m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02 (*phát sinh không thường xuyên*): Nước thải chăn nuôi phát sinh từ vệ sinh chuồng nuôi sau mỗi lứa nuôi; nước thải khu vực bồn rửa dụng cụ chăn nuôi, vệ sinh hồ sát trùng, lưu lượng phát sinh lớn nhất 43m³.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nước thải của dự án sau xử lý tại các bể tự hoại, bể Biogas ao sinh học, sau đó tái sử dụng cho tưới gốc cây trong trang trại, không thải ra ngoài môi trường.

2.2. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý tại ao sinh học quay vòng tái sử dụng để tưới gốc cho cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) phải đảm bảo đạt yêu cầu “QCVN 01-195:2022/BNN&PTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng”, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	Các loại cây trồng được sử dụng	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5- 9	Các loại cây trồng	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	≤ 600			
3	Asen (As)	mg/l	≤ 0,1			
4	Cadimi (Cd)	mg/l	≤ 0,01			
5	Crom tổng số (Cr)	mg/l	≤ 0,5			
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,002			
7	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,05			
8	Ecoli	MPN/100 ml	≤ 200	Các loại cây trồng		

			> 200 - 1000	Các loại cây trồng trừ cây rau, cây được liệu hàng năm		
			> 1000 - 5000	Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày không sử dụng làm thực phẩm, thức ăn cho vật nuôi		
			> 5000	Không được sử dụng cho các loại cây trồng		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm: Nước thải từ tắm giặt của công nhân phát sinh từ khu vực nhà điều hành, nhà nghỉ công nhân, nhà kỹ thuật → Ống PVC, DN90 → Ống PVC, DN110 → Ống PVC, DN125 → Ao sinh học; Nước thải phát sinh từ nhà bếp → Bể tách dầu mỡ → Ống PVC, DN110 → Ống PVC, DN125 → bể biogas → Ao sinh học; Nước thải từ các nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn → Ống PVC, DN110 → Ống PVC, DN125 → bể biogas → Ao sinh học.

- Nước thải chăn nuôi: Nước vệ sinh các chuồng nuôi sau mỗi lứa nuôi, nước thải khu vực bồn rửa dụng cụ chăn nuôi, vệ sinh hố sát trùng → bể biogas → Ao sinh học.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ Nước thải nhà vệ sinh: Bể tự hoại 3 ngăn (02 bể), Bể Biogas (03 bể).

+ Nước thải nhà ăn: Bể tách dầu mỡ (01 bể).

+ Nước thải chăn nuôi: Ao sinh học (01 ao).

+ Tóm tắt quy trình xử lý nước thải tại trang trại: Nước thải từ tắm giặt → Ao sinh học; Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Bể Biogas → Ao sinh học; Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ → Bể Biogas → Ao sinh học; Nước thải chăn nuôi, rửa dụng cụ chăn nuôi, vệ sinh hố sát trùng → biogas → Ao sinh học.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm sinh học EM (hoặc các loại chế phẩm khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt “QCVN 01-195:2022/BNN&PTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng” tại mục 2 phân A của phụ lục này.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hàng năm thực hiện hút bùn bể Biogas, Bể tự hoại;
- Hàng năm thực hiện nạo vét ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa phục vụ cho tưới cây xanh của trang trại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải quy định tại Điểm d, Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của trang trại; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng, không được xả thải ra môi trường dưới mọi hình thức, kể cả trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường. Ao sinh học yêu cầu lót bạt thành đáy, đảm bảo chống thấm, chống rò rỉ nước thải ngấm ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường theo bất kỳ hình thức nào.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU QUẢN LÝ KHÍ THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn thải số 1: Khí thải, mùi phát sinh từ các chuồng nuôi của dự án.
- Nguồn thải số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Nằm trong khuôn viên Dự án tại Thôn 2, xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí các điểm xả thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3° như sau:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ các chuồng nuôi được thu gom qua các qua quạt hút và hệ thống phun sương và lưới chắn mùi khu vực phía cuối các chuồng nuôi ra môi trường. Tọa độ đại diện vị trí xả thải: Tọa độ đại diện: X = 2208605.57 (m); Y = 547426.62(m).

- Dòng khí thải số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí xả thải: X = 2208776.08(m); Y = 547399.41(m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Không xác định.

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 1: xả mặt, liên tục 24/24h trong thời gian nuôi.
- Dòng khí thải số 2: xả không thường xuyên (chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng).

2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:

Dòng khí thải số 01: Phải đảm bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh sau các chuồng nuôi) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải, mùi và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ khu vực phía cuối dãy các chuồng nuôi của trang trại → Quạt hút → Hệ thống phun sương (có lưới chắn phía ngoài) để giảm mùi, khí thải → Môi trường.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải của máy phát điện dự phòng được thu gom, xử lý qua hệ thống tích hợp theo máy phát điện, thải qua ống khói ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Đối với mùi, khí thải phát sinh từ khu vực chuồng nuôi:

+ Khí thải, mùi từ chuồng nuôi: Hệ thống quạt hút → Giàn phun sương (nước có bổ sung hóa chất khử mùi) có lưới chắn sau chuồng nuôi (Giảm thiểu mùi và khí) → Môi trường.

+ Trang trại sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi có phun chế phẩm sinh học giúp giảm thiểu mùi, khí thải, diệt vi khuẩn, vi rút phát sinh từ chất thải chăn nuôi, giảm thiểu tác động đến môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Chế phẩm EM khử mùi, chế phẩm men vi sinh Bio-Plus, Balasa N01 làm đệm lót sinh học.

1.2.2. Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng: Thu gom và thoát ra ngoài qua hệ thống xử lý tích hợp theo máy phát điện, thải qua ống khói ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Vận hành thường xuyên và đúng quy trình các công trình xử lý mùi, khí thải chuồng nuôi.

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch phòng ngừa, sự cố môi trường đối với khí thải theo nội dung đã nêu trong báo cáo đề xuất giấy phép môi trường của trang trại.

- Các sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là hóa chất, chế phẩm sinh học, đệm lót sinh học, vi sinh vật phải đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ và được phép sử dụng theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ các hệ thống quạt làm mát tại các đầu chuồng nuôi.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ các hệ thống quạt hút phía cuối các chuồng nuôi.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn và độ rung khu vực nhà đặt máy phát điện dự phòng (chỉ phát sinh khi vận hành máy phát điện dự phòng).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung nằm trong khuôn viên Dự án tại Thôn 2, xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ đại diện vị trí các điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°) như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 2208658.64(m); Y = 547322.59(m)
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 2208605.57(m); Y = 547426.62(m)
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện: X = 2208776.08(m); Y = 547399.41(m)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ của hệ thống quạt hút hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực nhà điều hành, khu nhà nghỉ của công nhân. Khoảng cách đến các công trình trên tối thiểu là 10m.

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại, khu vực phía sau chuồng nuôi nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ	18 02 01	5
2	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa đựng thuốc sát trùng	18 01 03	10
3	Bơm kim tiêm đã qua sử dụng hoặc dính các thành phần lây nhiễm nguy hại	13 02 01	15
4	Bao bì mềm (bao gồm bao bì thuốc thú y)	18 01 01	15
5	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	14 02 02	20
6	Hộp mực in thải	08 02 04	2,5
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	8
8	Gà chết do dịch bệnh	14 02 01	Không xác định
Tổng cộng			75,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Chất thải rắn từ chuồng nuôi (gồm phân, đệm lót sinh học, lông gà)	kg	1.684.800
2	Gà chết không do dịch bệnh	kg	1.123,2
3	Bao bì thức ăn và thức ăn thừa	kg	900
Tổng khối lượng			1.686.823,2

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	CTR sinh hoạt	8,76
Tổng khối lượng		8,76

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 50 - 100 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH có diện tích $4m^2$ trong Nhà kho chứa vật tư có diện tích $82,3m^2$.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,8m, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Đối với gà chết do dịch bệnh, nghiêm cấm chủ dự án không được vận chuyển ra ngoài khu vực trang trại, đồng thời phải báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan Thú ý của địa phương để có phương án thu gom, tiêu hủy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị thu gom: Chất thải rắn chăn nuôi (phân và chất độn chuồng) thu gom vào các bao bì sau khi kết thúc mỗi lứa chăn nuôi.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Đối với bao bì thức ăn thải, thu gom tập kết vào kho vật tư (Kho có diện tích $82,34m^2$, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền đổ BT, kho nằm góc phía Tây ngay cổng vào của Trang trại) để chứa phân.

- Chất thải rắn từ chuồng nuôi (gồm phân, trấu, lông gà và thức ăn chăn nuôi thừa) sau mỗi lứa nuôi, Công nhân thu gom và tập kết về cuối dãy chuồng nuôi, phun chế phẩm sinh học và lưu trữ tại chỗ. Công ty hợp đồng chuyển giao cho các cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Bố trí hồ chôn lấp gà chết tại phía Tây Nam khu đất của dự án có diện tích $500m^2$ và thực hiện biện pháp chôn lấp theo quy định của ngành Chăn nuôi - Thú y.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thu gom vào các thùng có nắp đậy 30 lít, 60 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa bên cạnh máy phát điện dự phòng tại góc phía Tây cạnh cổng chính vào dự án, có diện tích $6m^2$, mái lợp tôn, nền láng xi măng.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
- Việc vận chuyển chất thải chôn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn chăn nuôi và chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; có rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường. Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và chuồng trại làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.